

# Nâng cao thu nhập cho hộ gia đình ở vùng nông thôn huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp

CAO TRỌNG DANH\*

## Tóm tắt

Nghiên cứu được thực hiện qua số liệu thứ cấp và sơ cấp từ cuộc điều tra trên 270 hộ gia đình, với 11 xã trên địa bàn huyện Lai Vung trong năm 2015. Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính, kết quả xác định thu nhập của các hộ gia đình khu vực nông thôn phụ thuộc vào: Nghề nghiệp của chủ hộ; Kinh nghiệm của chủ hộ; Số năm đi học của chủ hộ; Diện tích đất của hộ; Số hoạt động khác tạo ra thu nhập; Vay vốn từ các định chế chính thức.

**Từ khóa:** thu nhập, huyện Lai Vung, hồi quy tuyến tính

## Summary

This research is based on the primary data which surveys more than 270 households in 11 villages of Lai Vung district in 2015. Applying linear regression model, the research finds out that a rural family's income depends on the Job of household head; Experience of household head; Education of household head; Land area of of household head; Other activities to make income; Loans from formal institutions.

**Keywords:** income, Lai Vung district, linear regression

## GIỚI THIỆU

Đồng Tháp là một tỉnh nông nghiệp thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, với diện tích tự nhiên là 3.238 km<sup>2</sup>, trong đó đất sản xuất nông nghiệp chiếm 80% diện tích toàn Tỉnh và hơn 82,73% dân cư sống vùng nông thôn, có trên 73,59% lao động nông nghiệp. Tỷ lệ hộ nghèo tính đến cuối năm 2014 là 7,5% tương đương 32.000 hộ, cận nghèo 7% tương đương 30.000 hộ và thu nhập bình quân đầu người tính đến năm 2014 là 16,18 triệu đồng/người/năm (theo giá cố định 1994). So với các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thu nhập bình quân đầu người của Tỉnh vào loại thấp. Thực trạng này đặt ra áp lực rất lớn cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp nói chung, địa bàn huyện Lai Vung nói riêng. Vì vậy, xác định các nhân tố

ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình là vấn đề quan trọng đối với việc nâng cao thu nhập, cũng như ổn định cuộc sống của người dân.

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Cơ sở lý thuyết

Trong nghiên cứu của Park (1992) cho rằng, năng suất lao động là điều kiện để thay đổi thu nhập và đó là nguyên nhân dẫn đến thay đổi thu nhập. Theo Lewis (1954), năng suất lao động nông nghiệp phụ thuộc vào năng suất đất và quy mô diện tích đất.

Karttunen (2009) cho rằng, nguồn lực vốn con người của hộ gia đình và các yếu tố nhân khẩu xã hội, như: giới tính, trình độ học vấn của chủ hộ cùng với tỷ lệ phụ thuộc ảnh hưởng đến thu nhập của hộ. Cùng với đó, nghiên cứu của C.R.Wharton (1963) cho thấy, nếu tất cả những yếu tố đầu vào là giống nhau, hai nông dân với sự khác nhau về kinh nghiệm và kiến thức, thì sẽ có kết quả sản xuất khác nhau hoàn toàn.

\*ThS., UBND huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp | Email: trongdanhcao85@gmail.com  
Ngày nhận bài: 29/04/2016; Ngày phản biện: 13/06/2016; Ngày duyệt đăng: 22/06/2016

**BẢNG 1: KÝ HIỆU CÁC BIẾN VÀ KỶ VỌNG VỀ DẤU ĐỐI VỚI THU NHẬP**

Biến số	Tên biến và ký hiệu	Diễn giải	Dấu kỳ vọng
<b>Biến phụ thuộc</b>			
I	Biến phụ thuộc Thu nhập (THUNHAP)	Thu nhập của hộ gia đình/năm (ngàn đồng)	
<b>Biến độc lập</b>			
X <sub>1</sub>	Nghề nghiệp chính của chủ hộ (NGHENGHIEP)	Là biến giả, nhận giá trị là 1 nếu chủ hộ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, nhận giá trị 0 là chủ hộ làm việc trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng hoặc lĩnh vực thương mại dịch vụ.	(+)
X <sub>2</sub>	Kinh nghiệm làm việc của chủ hộ (KINHNGHIEM)	Nhận giá trị tương ứng với số năm làm việc của chủ hộ (năm)	(+)
X <sub>3</sub>	Số năm đi học của chủ hộ (SONAMDIHOC)	Thể hiện số năm đi học của chủ hộ (năm)	(+)
X <sub>4</sub>	Giới tính của chủ hộ (GIOITINH)	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu là nam và nhận giá trị 0 nếu là nữ	(+)
X <sub>5</sub>	Số nhân khẩu của hộ (SONHANKHAU)	Thể hiện số người sống trong Hộ gia đình, không tính người thuê người ở (người)	(-)
X <sub>6</sub>	Tỷ lệ phụ thuộc (TYLEPHUTHUOC)	Đo lường tỷ lệ % tổng số người không nằm trong độ tuổi lao động trong tổng số người trong độ tuổi lao động (%)	(-)
X <sub>7</sub>	Diện tích đất sản xuất (DIENTICHDAT)	Thể hiện diện tích đất sản xuất của chủ hộ (m <sup>2</sup> )	(+)
X <sub>8</sub>	Số hoạt động tạo ra thu nhập (SOHOATDONG)	Thể hiện số hoạt động tạo ra thu nhập của hộ	(+)
X <sub>9</sub>	Vay vốn (VAYVON)	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu có vay vốn từ định chế chính thức, giá trị 0 nếu hộ không có vay vốn	(+)

**BẢNG 2: HỆ SỐ HỒI QUY**

Biến	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa	Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig	VIF
Hằng số	-122.905,520		-3,035	0,000	1,162
X <sub>1</sub> : Nghề nghiệp	33.956,197	0,196	3,600	0,000	1,213
X <sub>2</sub> : Kinh nghiệm	1.787,442	0,095	1,715	0,088	1,123
X <sub>3</sub> : Số năm đi học	5.695,103	0,129	2,410	0,017	1,060
X <sub>4</sub> : Giới tính	30.824,129	0,061	1,163	0,246	1,241
X <sub>5</sub> : Số nhân khẩu	-6.219,882	-0,065	-1,158	0,248	1,241
X <sub>6</sub> : Tỷ lệ phụ thuộc	470.305	0,059	1,054	0,293	1,235
X <sub>7</sub> : Diện tích đất của hộ	2,908	0,128	2,096	0,037	1,462
X <sub>8</sub> : Số hoạt động tạo thu nhập	53.236,229	0,455	7,872	0,000	1,310
X <sub>9</sub> : Vay vốn	29.951,084	0,102	1,998	0,047	1,030
R <sup>2</sup> điều chỉnh: 0,346					
Giá trị thống kê F: 16,078					
Trị số Sig (F-statistic): 0,000					
Durbin Watson: 2,019					

Theo Yang (2004), học vấn là mấu chốt của sự phát triển và trình độ học vấn cũng giúp người nông dân tăng cường khả năng nắm bắt thông tin, điều đó một phần giúp người nông dân có thêm cơ hội tham gia hoạt động phi nông nghiệp và tìm việc làm ở đô thị. Solow (1957) cũng cho rằng, giáo dục làm cho lao động hiệu quả hơn thông qua các tiến bộ kỹ thuật. Điều này xuất phát từ thực tế là giáo dục cho phép mọi người thích nghi dễ dàng hơn với những thay đổi của xã hội và kỹ thuật. Vì vậy, trình độ học vấn của chủ hộ và những người trong gia đình có ảnh hưởng đến khả năng tăng thu nhập của gia đình.

Marshall (1890) từ lâu đã cho thấy, kiến thức là động lực mạnh mẽ của sản xuất. Cùng với quan điểm này, Wharton (1963) cho rằng, với tất cả nguồn lực đầu vào giống nhau, hai nông dân với sự khác nhau về trình độ kỹ thuật nông nghiệp sẽ có kết quả sản xuất khác nhau. Một tỷ lệ lớn người nghèo là nông dân, những người thường thiếu những kỹ năng, kỹ thuật sản xuất và khả năng tiếp cận với các nguồn lực phát triển khác cũng rất thấp.

Okurut và cộng sự (2002) trong phân tích về nghèo ở Uganda đã kết luận rằng, trình độ học vấn của chủ hộ càng cao, thì hộ gia đình càng giàu có. Theo Scoones (1998), các yếu tố tác động đến thu nhập của hộ gia đình bao gồm: vốn tự nhiên, vốn con người, vốn tài chính và vốn xã hội. Trong đó, vốn tự nhiên bao gồm: đất, nước, không khí, tài nguyên thiên... là cơ sở cho các hoạt động kinh tế của con người.

#### **Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả dựa trên cơ sở số liệu sơ cấp thu được thông qua việc phỏng vấn trực tiếp 270 hộ gia đình, tại 22/60 ấp của 11 xã trên địa bàn huyện Lai Vung.

Số liệu thứ cấp thu thập từ văn bản, báo cáo của huyện, xã và các tài liệu đã được công bố. Nghiên cứu thực hiện từ tháng 02/2015 đến tháng 05/2015.

Đồng thời, sử dụng phương pháp hồi quy tuyến tính đa biến với 09 biến độc lập. Mô hình định lượng các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình có dạng như sau:

$$I = b_0 + b_1X_1 + b_2X_2 + b_3X_3 + b_4X_4 + b_5X_5 + b_6X_6 + b_7X_7 + b_8X_8 + b_9X_9 + u$$

Trong đó:

I: biến phụ thuộc thu nhập;

$X_1, X_2, X_3, X_4, X_5, X_6, \dots, X_9$  là các biến độc lập (Bảng 1);  
 $u$  là phần dư.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### Kết quả hồi quy (Bảng 2)

Kết quả phân tích hồi quy (Bảng 2) cho thấy, các biến có ý nghĩa thống kê ở mức 10% và  $Sig < 0,1$  có tương quan với biến THUNHAP là: NGHENGHIEM, SONAMDIHOC, DIENTICHDAT, SOHOATDONG, VAYVON; 03 biến là: GIOITINH, SONHANKHAU, TYLEPHUTHUOC có  $Sig > 0,1$  nên không tương quan với biến THUNHAP.

Kết quả cũng cho thấy,  $R^2$  điều chỉnh là 0,346. Như vậy, có 34,6% thu nhập của hộ gia đình nông thôn tại địa bàn các xã thuộc huyện Lai Vung được giải thích bởi các biến độc lập. Trị số  $Sig(F\text{-statistic})=0,000$ , tức là mô hình đưa ra phù hợp với dữ liệu thực tế. Độ phóng đại phương sai (Variance Inflation of Factor, VIF) của các hệ số hồi quy đều nhỏ hơn 10, nên không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến của các biến độc lập.

### Thảo luận kết quả hồi quy

$B_{NGHENGHIEM}(X_1) = 33.965,197$  có quan hệ cùng chiều với biến THUNHAP, với giả thiết không đổi chủ hộ làm việc lĩnh vực phi nông nghiệp, thì thu nhập bình quân hộ gia đình cao hơn lĩnh vực nông nghiệp là 33.965,197 ngàn đồng.

$B_{KINHNGHIEM}(X_2) = 1.788,442$  có quan hệ cùng chiều với biến THUNHAP, với giả thiết không đổi chủ hộ có thêm 1 năm kinh nghiệm, thì thu nhập của hộ gia đình sẽ tăng thêm 1.788,442 ngàn đồng.

$B_{SONAMDIHOC}(X_3) = 5.695,103$  có quan hệ cùng chiều với biến THUNHAP, với giả thiết các yếu tố khác không đổi, khi chủ hộ có trình độ học vấn tăng thêm 1 năm học, thu nhập của hộ sẽ tăng thêm 5.695,103 ngàn đồng.

$B_{DIENTICHDAT}(X_4) = 2,908$  có quan hệ cùng chiều với biến THUNHAP, với giả thiết các yếu tố khác không đổi, khi hộ gia đình có thêm 1 m<sup>2</sup> đất sản xuất, thì thu nhập bình quân của hộ sẽ tăng 2,908 ngàn đồng.

$B_{SOHOATDONG}(X_5) = 53.236,229$ , có quan hệ cùng chiều với biến THUNHAP, với giả định các yếu tố khác không đổi, nếu hộ gia đình có thêm một hoạt động tạo thu nhập, thì thu nhập bình quân của hộ sẽ tăng 53.236,229 ngàn đồng.

$B_{VAYVON}(X_6) = 2.9951,1$  có quan hệ cùng chiều với biến THUNHAP, với giả định các yếu tố khác không đổi, nếu hộ gia đình có vay vốn từ các định chế chính thức, thì thu nhập bình quân của hộ sẽ tăng 2.9951,1 ngàn đồng.

Mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập có dạng như sau:

$$\begin{aligned} THUNHAP = & -122.905,520 + \\ & 53.236,229*SOHOATDONG + \\ & 33.965,197*NGHENGHIEM + \\ & 5.695,103*SONAMDIHOC + \\ & 2.908*DIENTICHAT + \\ & 2.9951,1*VAYVON + \\ & 1.788,442*KINHNGHIEM \end{aligned}$$

## KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

Thông qua kết quả nghiên cứu, để nâng cao thu nhập của hộ gia đình trên địa bàn huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, theo chúng tôi cần thực hiện một số giải pháp sau:

*Một là, Huyện cần có chính sách giải pháp phát triển ngành nghề phi nông nghiệp, khuyến khích đa dạng hóa các hoạt động tạo thu nhập cho hộ gia đình khu vực nông thôn.* Khảo sát thực tế cho thấy, hầu hết các hộ gia đình đều có ngành sản xuất chính là: trồng trọt (cây ăn trái quýt hồng, đường, cam...), lúa và một số hoa màu (mè, đậu bắp Nhật, huệ, dưa lê...). Còn sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có phát triển, nhưng không nhiều, đa số ở các lĩnh vực (chế biến thủy sản, thức ăn thủy sản, dệt may...). Về dịch vụ thương mại chủ yếu là mua bán hàng hóa, vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, mua bán thức ăn thủy sản... Do vậy, việc tạo điều kiện cho lao động nông nghiệp chuyển dần sang lao động phi nông nghiệp, như: lao động công nghiệp hay thương mại dịch vụ là rất cần thiết.

Để làm được điều này, Huyện cần có chính sách đãi ngộ đối với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động phổ thông tại chỗ, đào tạo và sử dụng. Đồng thời, liên kết với các trung tâm, các cơ sở hướng nghiệp để mở rộng đào tạo các ngành, nghề phi nông nghiệp, giúp người lao động có khả năng chuyển đổi ngành nghề. Việc đào tạo cần chú trọng theo nhu cầu thị trường và doanh nghiệp, giúp người lao động học xong là có thể dễ dàng tìm kiếm việc làm phù hợp.

*Hai là, cần hỗ trợ tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp trong vấn đề bao tiêu sản phẩm, tìm đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp.* Kết quả khảo sát ý kiến hỗ trợ từ phía chính quyền Huyện cho thấy, có đến 51,8% ý kiến về vấn đề bao tiêu sản phẩm đầu ra (đứng hàng thứ 1). Vì vậy, Huyện cần phải có chính sách, khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp trong vấn đề liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm với nông dân. Huyện cần thông tin, tuyên truyền vận động người dân hiểu hơn về lợi ích khi hợp tác làm ăn với quy mô lớn (hợp tác xã) và liên kết sản xuất - tiêu thụ để giảm chi phí đầu tư tăng lợi nhuận và đảm bảo đầu ra cho sản phẩm.

*Ba là, cần có chính sách và giải pháp nâng cao trình độ dân trí, đặc biệt ở khu vực nông thôn.* Để làm được điều này, Huyện cần phải:

- Có định hướng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội học tập, quan tâm đến giáo dục các cấp, nhất là giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học, tập trung hoàn thành phổ cập trung học cơ sở và tiến tới phổ cập trung học phổ thông ở những nơi có điều kiện.

- Ưu tiên nguồn vốn và từng bước kiên cố hóa trường lớp, nâng cấp đầu tư trang thiết bị dạy và học nhất là đối với những xã còn khó khăn về trường lớp.

- Tập trung thực hiện tốt các chính sách miễn, giảm học phí và nghiên cứu bổ sung kinh phí hỗ trợ cho những vùng còn nhiều khó khăn. Thường xuyên làm tốt công tác vận động chống học sinh bỏ học, giảm đến mức thấp nhất tỷ lệ học sinh bỏ học. Tăng cường công tác khuyến tài, thực hiện hướng nghiệp dạy nghề trong học sinh phổ thông.

*Bốn là, cần có định hướng quy hoạch vùng sản xuất.* Quy hoạch vùng trồng cây ăn trái có giá trị cao (có thể xây dựng Đề án liên sản xuất và tiêu thụ một số loại cây ăn trái có giá trị kinh tế cao, như: quýt, cam); quy hoạch vùng chuyên sản xuất lúa, vùng chuyên sản xuất màu theo từng đặc điểm của các xã trên địa bàn Huyện. Trên cơ sở các quy hoạch này, để xác định vấn đề diện tích đất sản xuất đối với từng hộ; đối với những hộ nhỏ lẻ, có diện tích đất ít, nên thực hiện việc cho thuê hoặc tham gia hoạt động hợp tác xã, khi cho thuê vẫn có thể làm tham gia làm thuê trên chính mảnh đất của mình, điều này không những giúp địa phương thực hiện tốt công tác quy hoạch định hướng phát triển kinh tế, mà còn giúp cho các hộ gia đình có ít đất sản xuất có thể tăng thu nhập.

*Năm là, nâng cao khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay từ các định chế chính thức.* Trong tổng số 270 phiếu khảo sát, có đến 28,8% ý kiến của người dân có nhu cầu về vốn. Yếu tố này có vai trò thứ 2 trong tổng số ý kiến được hỏi. Đồng thời, trong tổng số 100 hộ được vay (theo số liệu mẫu khảo sát), thì có đến 72 hộ vay vốn

với mục đích đầu tư cho sản xuất. Do vậy, việc đảm bảo nguồn vốn cho vay là điều rất cần thiết.

Để nâng cao khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay từ các định chế chính thức, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Nâng cao năng lực và cải tiến hoạt động cho vay của hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách Xã hội. Tuy nhiên, để đảm bảo nguồn vốn vay, hệ thống ngân hàng, tín dụng cần có biện pháp huy động tối đa nguồn vốn nhân rỗi trong dân, để bổ sung nguồn vốn cho vay, mở rộng đối tượng cho vay đối với tất cả các thành phần kinh tế, cá nhân, tăng nguồn vốn cho vay trung hạn và dài hạn nhằm hỗ trợ các mục tiêu đầu tư chiều sâu và dài hạn của nhân dân.

- Cần có chính sách hỗ trợ vay vốn đối với các hộ có định hướng phát triển một số loại cây có giá trị kinh tế cao, như: quýt hồng, quýt đường, cam...

- Đa dạng hóa hình thức tiết kiệm đến tận vùng sâu, vùng xa, nhằm giúp cho người nghèo giảm chi phí giao dịch khi vay vốn và các khoản tiết kiệm này có khả năng giải quyết các chi phí cần thiết để tăng thu nhập gia đình.

- Các cơ quan, ban, ngành có liên quan của Huyện và các xã cần có giải pháp giải quyết các thủ tục cho vay được thông thoáng, tiện lợi, như: chứng thực, xác nhận hồ sơ vay, chứng thực tài sản thế chấp nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho người dân vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UBND huyện Lai Vung (2014). *Báo cáo kinh tế - xã hội huyện Lai Vung giai đoạn 2011-2014*
2. Nguyễn Xuân Thành (2006). Ước lượng suất sinh lợi của việc đi học ở Việt Nam: Phương pháp khác biệt trong khác biệt, Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright
3. Park, S. S (1992). *Tăng trưởng và phát triển*, dịch từ tiếng Anh, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Trung tâm thông tin - tư liệu, Hà Nội
4. Karttunen, K.A (2009). *Rural Income Generation and Diversification: A Case Study in Eastern Zambia*. Finland: Rural Development Consultant
5. Lewis, W.A., (1954). *Economic Development with Unlimited Supplies of Labour*, Manchester School of Economic and Social Studies, 22:131-91
6. Marshall, A (1890). *Principles of Economics*, Macmillan, London
7. Okurut, F. N., Odwee, J. O., & Adebua, A. (2002). *Determinants of regional poverty in Uganda*, Vol. 122, African Economic Research Consortium
8. Scoones, I. (1998). *Sustainable Rural Livelihoods: A Framework for Analysis*: IDS Working Paper, Institute of Development Studies
9. Wharton, C. R (1963). Research on Agricultural Development in Southeast Asia, *Journal of Farm Economics*, Vol. 45, No. 5, pp. 1161-1174
10. Yang. D. T (2004). Education và allocative efficiency: Household income growth during rural reforms in China, *Journal of Development Economics* 74 (2004), pp 137-162